

# Hợp tác trường đại học - doanh nghiệp trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

(Kết quả khảo sát tại Trường đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh)

## LÊ HIẾU HỌC

**B**ài viết trình bày kết quả khảo sát hiện trạng liên kết trường đại học - doanh nghiệp tại Trường đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, từ đó đề xuất một số kiến nghị cần thiết nhằm thúc đẩy nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao công nghệ thông qua hợp tác trường đại học - doanh nghiệp.

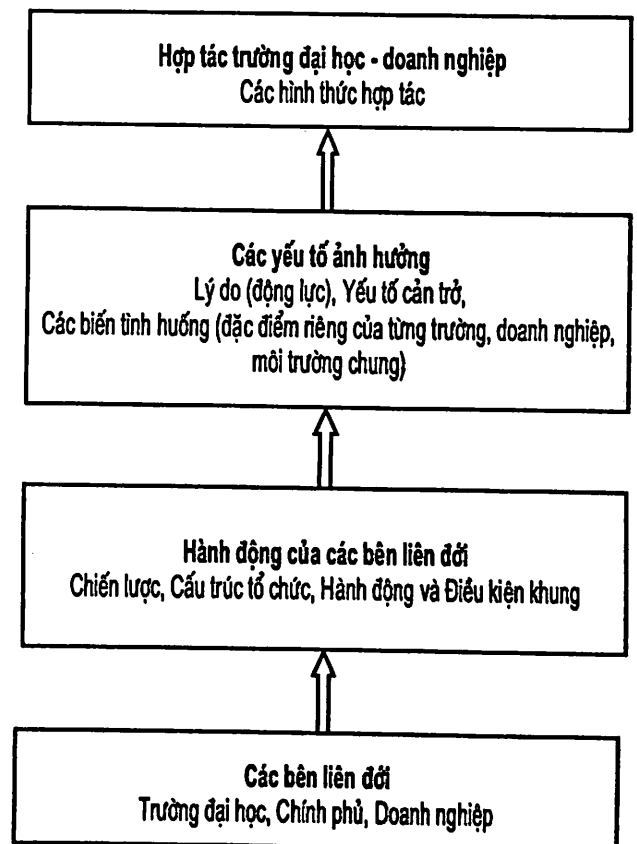
**Từ khoá:** liên kết trường đại học - doanh nghiệp, nghiên cứu - chuyển giao công nghệ, Trường đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.

### 1. Khung phân tích hợp tác trường đại học - doanh nghiệp

Davey (2011) cho rằng hợp tác trường đại học - doanh nghiệp bao gồm tất cả các hình thức tương tác qua lại trực tiếp và gián tiếp, cá nhân và phi cá nhân giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp vì những lợi ích chung, bao gồm: hợp tác trong nghiên cứu và triển khai, luân chuyển nhân sự (giảng viên, sinh viên và các cán bộ của doanh nghiệp), thương mại hoá kết quả nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy, đào tạo và bồi dưỡng sau tốt nghiệp và quản trị.

Tuy nhiên, các hình thức hợp tác này được xem là kết quả của sự tác động bởi các nhân tố ảnh hưởng liên quan đến nhận thức về những lợi ích của hợp tác trường đại học - doanh nghiệp, các yếu tố thúc đẩy (lý do cần hợp tác) và các yếu tố cản trở việc hợp tác. Đến lượt mình, các yếu tố thúc đẩy và cản trở hợp tác trường đại học - doanh nghiệp lại là kết quả của các hành động cụ thể nhằm tạo ra các cơ chế hỗ trợ hợp tác trước đại học - doanh nghiệp, bao gồm: chiến lược, cấu trúc tổ chức, cách tiếp cận và các điều kiện khung của các bên liên quan là trường đại học, chính phủ và doanh nghiệp. Mỗi liên hệ này được thể hiện trong hình 1. Đây cũng chính là khung phân tích được sử dụng để nghiên cứu hợp tác trường đại học - doanh nghiệp.

HÌNH 1: Khung phân tích hợp tác trường đại học - doanh nghiệp



Nguồn: Davey T., Baaken T., Galán-Muros V., Meerman A. (2011).

Lê Hiếu Học, TS., Trường đại học Bách khoa Hà Nội.

**BẢNG 1: Các hình thức hợp tác với doanh nghiệp**

Hình thức hợp tác	Giải thích
Hợp tác nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dự án nghiên cứu liên kết.</li> <li>- Nghiên cứu theo hợp đồng.</li> <li>- Tư vấn nghiên cứu và triển khai.</li> <li>- Hợp tác trong đổi mới và sáng tạo.</li> <li>- Xây dựng mạng lưới cá nhân và không chính tắc.</li> <li>- Liên kết xuất bản các ấn phẩm khoa học với các nhà nghiên cứu ở doanh nghiệp.</li> <li>- Cùng tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp của sinh viên là cán bộ của doanh nghiệp, hoặc luận văn tốt nghiệp của sinh viên với đề tài gắn với thực tiễn doanh nghiệp.</li> </ul>
Luân chuyển giảng viên, nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luân chuyển tạm thời hoặc lâu dài giảng viên hoặc cán bộ nghiên cứu từ trường đại học ra doanh nghiệp;</li> <li>- Luân chuyển nhân viên, cán bộ quản lý từ doanh nghiệp vào trường đại học dưới các hình thức: tham quan, giảng dạy, nghiên cứu, hội thảo, seminars.</li> </ul>
Luân chuyển sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử sinh viên từ trường đại học đến doanh nghiệp: tham quan, thực tập, thử việc, tuyển dụng.</li> </ul>
Thương mại hoá kết quả nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học từ trường đại học ra doanh nghiệp thông qua việc:</li> <li>- Thành lập các doanh nghiệp spin-off,</li> <li>- Công bố các phát minh, sáng chế,</li> <li>- Chuyển nhượng bằng phát minh sáng chế/cấp giấy phép (li-xăng).</li> </ul>
Xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên gia từ doanh nghiệp tham gia góp ý xây dựng các chương trình đào tạo với các khoá học, module, chuyên ngành rộng hoặc chuyên ngành hẹp của trường đại học.</li> <li>- Chuyên gia từ doanh nghiệp tham gia với tư cách giảng viên mời cho các khoá học tại các chương trình đào tạo của trường đại học.</li> </ul>
Đào tạo sau tốt nghiệp (Lifelong learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các chương trình đào tạo dành cho người trưởng thành, các khoá đào tạo liên tục nhằm bổ sung kỹ năng, kiến thức, thái độ và hành vi ở tất cả các cấp độ dành cho những người đã đi làm.</li> </ul>
Khởi nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động của trường đại học hướng tới việc tạo ra các doanh nghiệp mới, hoặc xây dựng văn hoá sáng tạo, đổi mới bên trong trường đại học qua những hoạt động hợp tác với doanh nghiệp.</li> </ul>
Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp ở cấp độ quản lý:</li> <li>- Lãnh đạo doanh nghiệp tham gia vào quá trình ra quyết định của trường; là thành viên của các hội đồng khoa học và đào tạo, hội đồng trường hoặc tham gia quản lý các khoa/phòng/ban...</li> <li>- Giảng viên trường đại học tham gia quản lý và ra quyết định tại DN</li> </ul>

*Nguồn: Howells và cộng sự (1998), Mora-Valentin(2002) và Nguyễn Đức Trọng và Lê Hiếu Học (2014).*

Bên cạnh đó, các học giả ở các nước phát triển như Anh (Peters và Fusfeld, 1982; Polt và cộng sự, 2001; Charles và Howells, 1992); Mỹ (Geisler và Rubenstein, 1989); Pháp (OECD, 2002) hoặc ở các nước đang phát triển như Thái Lan (Temsiripoj, 2003; Patarapong Intarakumnerd và Daniel Schiller, 2009);

Malaixia (Othman N., 2011); Sri Lan Ka (Esham, 2008) cũng đã phát hiện ra các lý do thực hiện hợp tác trường đại học - doanh nghiệp cũng như các yếu tố cản trở hợp tác này. Với khung phân tích như trong hình 1, Nguyễn Đức Trọng và Lê Hiếu Học (2014) đã tổng hợp và điều chỉnh những yếu tố này theo từng

## Hợp tác trường đại học ...

nhóm đối tượng trong bảng 2 và bảng 3 để thực hiện kiểm chứng đối với bối cảnh Việt Nam.

**BẢNG 2: Các yếu tố thúc đẩy liên kết trường đại học - doanh nghiệp**

Yếu tố thúc đẩy	Giải thích
Các yếu tố liên quan đến quan hệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôn tại sự tin tưởng lẫn nhau giữa trường đại học và doanh nghiệp.</li> <li>- Tôn tại sự cam kết của cả hai phía.</li> <li>- Có chung mục đích.</li> <li>- Thấu hiểu mối quan tâm chung giữa các bên liên đới khác nhau (trường đại học, doanh nghiệp, nhân viên, giảng viên và sinh viên).</li> <li>- Trường đại học có mối quan hệ ưu tiên với đối tác doanh nghiệp và ngược lại.</li> <li>- Hợp tác trường đại học - doanh nghiệp là cách thức hiệu quả để giải quyết các vấn đề và thách thức xã hội.</li> </ul>
Các yếu tố liên quan đến doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển dụng giảng viên và sinh viên của trường đại học.</li> <li>- Quan tâm của doanh nghiệp đối với việc tiếp cận tri thức khoa học.</li> <li>- Khả năng tiếp cận nguồn tài trợ/tài chính để làm việc với doanh nghiệp.</li> <li>- Vị trí địa lý gần với các trường đại học.</li> <li>- Linh hoạt trong việc lựa chọn đối tác của doanh nghiệp.</li> <li>- Tiếp cận các nghiên cứu và cơ sở vật chất của doanh nghiệp.</li> <li>- Định hướng thương mại hoá kết quả nghiên cứu của trường đại học.</li> </ul>

*Nguồn:* Tổng hợp từ Nguyễn Đức Trọng và Lê Hiếu Học (2014) và Davey T., Baaken T., Galán-Muros V., Meerman A., 2011.

**BẢNG 3: Yếu tố cản trở liên kết trường đại học - doanh nghiệp**

Yếu tố cản trở	Giải thích
Khả năng sử dụng kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là những rào cản liên quan tới cách thức kết quả của hợp tác trường đại học - doanh nghiệp được sử dụng bởi doanh nghiệp:</li> <li>- Chú trọng vào việc tạo ra các kết quả thực tiễn bởi doanh nghiệp.</li> <li>- Nhu cầu đối bảo mật kết quả nghiên cứu đối với doanh nghiệp.</li> <li>- Doanh nghiệp sợ rằng tri thức của họ sẽ bị phát tán.</li> </ul>
Rào cản về ngân sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu thốn các nguồn ngân sách từ bên ngoài dành cho hoạt động hợp tác trường đại học - doanh nghiệp.</li> <li>- Doanh nghiệp thiếu các nguồn lực tài chính.</li> <li>- Trường đại học không có ngân sách dành cho hoạt động hợp tác với doanh nghiệp.</li> <li>- Khủng hoảng tài chính đang diễn ra hiện nay.</li> </ul>
Rào cản liên quan đến quan hệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp thiếu nhận biết về các hoạt động nghiên cứu hoặc các cơ hội của trường đại học.</li> <li>- Năng lực tiếp thu thực tập hoặc dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ rất hạn chế.</li> <li>- Khác biệt về khung thời gian giữa trường đại học và doanh nghiệp.</li> <li>- Khác biệt về động cơ/giá trị giữa trường đại học và doanh nghiệp.</li> <li>- Các thủ tục hành chính ở bên trong hoặc bên ngoài các trường đại học.</li> <li>- Năng lực hấp thu các kết quả nghiên cứu của doanh nghiệp còn yếu.</li> <li>- Khác biệt về cách thức và ngôn ngữ xgiao tiếp giữa trường đại học và doanh nghiệp.</li> <li>- Thiếu người liên hệ với tri thức khoa học công nghệ ngay trong doanh nghiệp.</li> <li>- Thiếu người liên hệ với tri thức khoa học ngay trong trường đại học.</li> <li>- Khó khăn trong việc tìm được đối tác hợp tác phù hợp.</li> <li>- Không có người liên hệ đầu tiên xuất phát từ trường đại học hoặc doanh nghiệp.</li> </ul>

*Nguồn:* Tổng hợp từ Nguyễn Đức Trọng và Lê Hiếu Học (2014) và Davey T., Baaken T., Galán-Muros V., Meerman A. 2011.

Những tiêu chí này được đưa vào bảng hỏi và khảo sát ý kiến của giảng viên, nghiên cứu viên trong các trường đại học; hoặc cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp) về mức độ đồng ý cho từng phát biểu thông qua thang đo Likert (1 = rất không đồng ý; 5 = rất đồng ý).

Nghiên cứu này chỉ tập trung đánh giá liên kết trường đại học - doanh nghiệp từ góc độ các cán bộ, giảng viên đang công tác tại Trường đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh (ĐHBK HCM) với hình thức chọn mẫu thuận tiện. Trong phiếu khảo sát, các biến về đơn vị công tác, học hàm, học vị, vị trí công tác của cán bộ giảng viên cũng được sử dụng nhằm mục đích kiểm chứng sự khác biệt trong quan điểm của từng nhóm cán bộ theo viện, theo học hàm, học vị với từng nội dung về liên kết trường đại học - doanh nghiệp. Các câu hỏi sử dụng thang đo Likert đều được kiểm chứng độ tin cậy Cronbach's Alpha và đều đạt giá trị lớn hơn 85%. Như vậy, thang đo và phương pháp thu thập dữ liệu đều đảm bảo độ tin cậy.

## 2. Kết quả khảo sát thực trạng liên kết trường đại học - doanh nghiệp

### 2.1. Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát

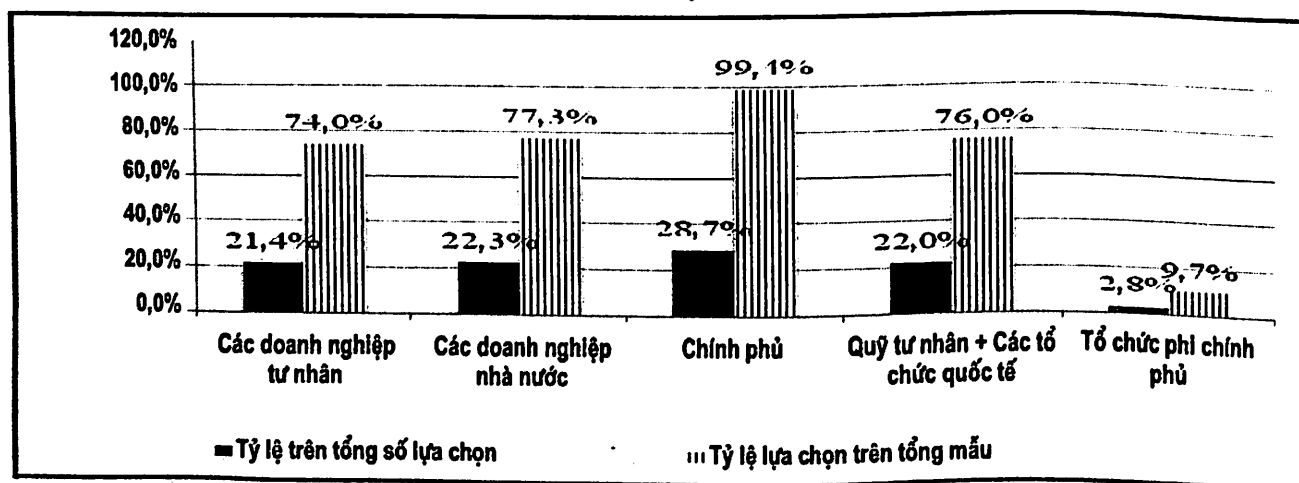
Tổng số có 154 cán bộ, giảng viên của ĐHBK HCM tham gia trả lời phiếu khảo sát, trong đó gần 1/3 là lãnh đạo các bộ môn, những người chịu trách nhiệm về chuyên môn tại các ngành, chuyên ngành. Gần 1/5 số

cán bộ là lãnh đạo các khoa, những người chịu trách nhiệm công tác quản lý thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác của đơn vị. Tỷ lệ cán bộ giảng viên có học hàm giáo sư/phó giáo sư và học vị tiến sĩ chiếm tỉ lệ tương đối cao (hơn 30% số cán bộ tham gia khảo sát, chưa kể những cán bộ lãnh đạo các viện, trung tâm, bộ môn cũng thường có học vị tiến sĩ trở lên theo Điều lệ trường đại học (2014), phù hợp với cơ cấu cán bộ giảng dạy của trường. Do cách lấy mẫu thuận tiện nên mỗi trung tâm nghiên cứu chỉ có 1 cán bộ tham gia khảo sát, và được nhóm lại thành một đơn vị (các trung tâm nghiên cứu). Hai đơn vị phụ trách công tác quản lý và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và ương tạo công nghệ của trường cũng có cán bộ (mỗi đơn vị một người) tham gia khảo sát và được gộp lại vào một nhóm.

### 2.2. Nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong số các nguồn kinh phí cung cấp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, ngân sách nhà nước được gần như 100% cán bộ lựa chọn. Nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp tư nhân cũng được khoảng 3/4 số cán bộ tham gia khảo sát lựa chọn (hình 2). Như vậy, có thể thấy, ngân sách cho nghiên cứu khoa học của ĐHBK HCM tương đối phong phú và phân bổ tương đối đều ở các nguồn huy động.

HÌNH 2: Nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học theo ý kiến cán bộ tham gia khảo sát

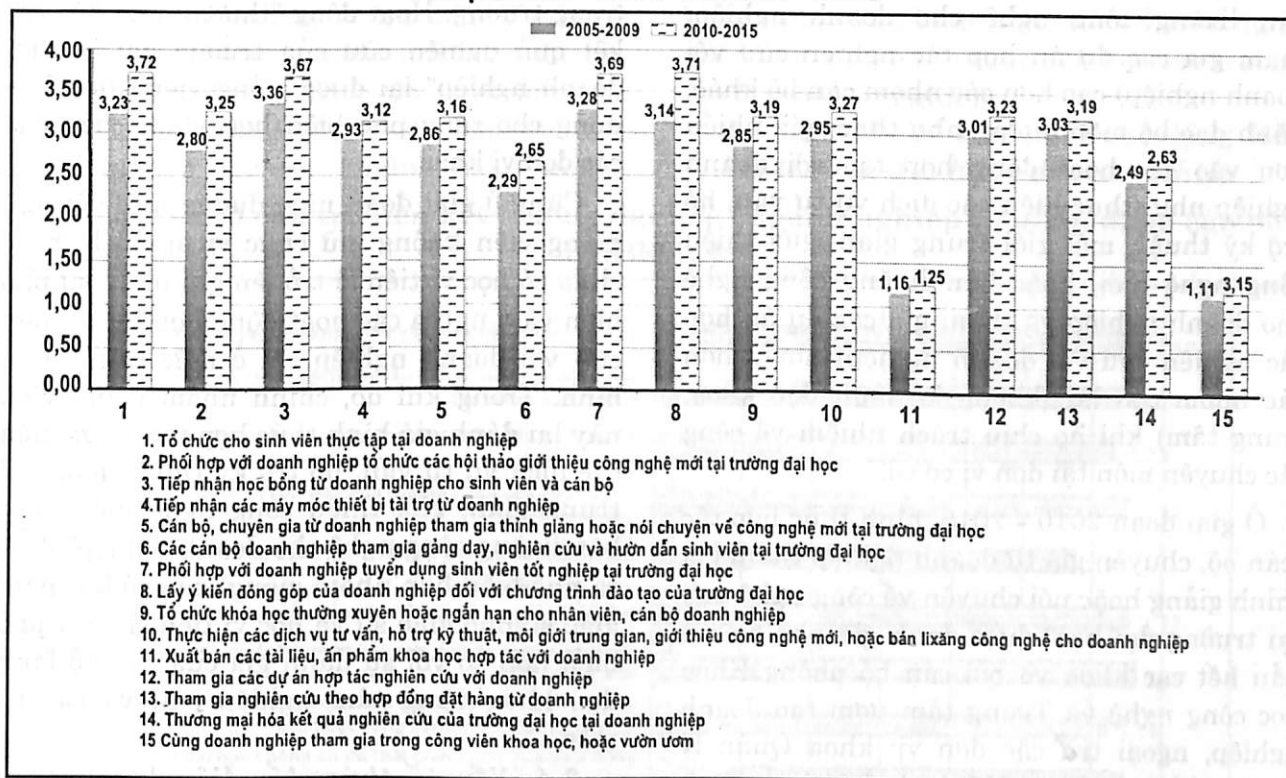


### 2.3. Hình thức và mức độ liên kết với doanh nghiệp của ĐHBK HCM

Các cán bộ tham gia khảo sát được gửi bảng hỏi yêu cầu đánh giá về sự tồn tại của các hình thức hợp tác với doanh nghiệp đã được xác định trong mô hình nghiên cứu được đề xuất bởi Nguyễn Đức Trọng và Lê

Hiếu Học (2014). Theo đó, mỗi hình thức hợp tác với doanh nghiệp và mức độ hợp tác được đánh giá trên thang đo Likert (1 = không tồn tại hoặc rất hạn chế; 5 = rất phổ biến và có ý nghĩa quan trọng cả về tần suất diễn ra và quy mô của hoạt động) trong 2 giai đoạn 2005 - 2009 và 2010 - 2015.

HÌNH 3: Hình thức và mức độ liên kết giữa ĐHBK HCM và doanh nghiệp trong giai đoạn 2005 - 2009 và 2010 - 2015



Xem xét riêng từng giai đoạn, kiểm định thống kê One-way ANOVA cho thấy có sự khác biệt giữa từng khoa và các nhóm cán bộ giảng viên theo vị trí công việc về mức độ ý nghĩa của hoạt động hợp tác với doanh nghiệp ở một số hình thức.

Trong giai đoạn 2005 - 2009 (phụ lục 1), cán bộ phòng Khoa học công nghệ và Trung tâm ươm tạo đánh giá hình thức hợp tác cao hơn cán bộ đến từ các khoa khác trong trường (bảng 1). Các đơn vị như khoa Khoa học ứng dụng, khoa Kỹ thuật địa chất và dầu khí, khoa Kỹ thuật xây dựng, khoa Khoa học và kỹ thuật máy tính cũng đánh giá tương đối cao hình thức hợp tác này. Khoa Kỹ thuật giao thông, khoa Cơ khí có vẻ đánh giá cao hình

thức hợp tác "Lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp đối với chương trình đào tạo của trường đại học". Trong khi đó, khoa Địa chất và dầu khí ghi nhận mức độ ý nghĩa của hoạt động "tổ chức các khóa học thường xuyên hoặc ngắn hạn cho nhân viên, cán bộ doanh nghiệp" cao hơn so với các đơn vị khác. Cán bộ phòng Khoa học công nghệ và Trung tâm ươm tạo công nghệ đánh giá mức độ phổ biến ở tất cả các hình thức hợp tác nói trên cao hơn hẳn cán bộ của các khoa. Điều này xuất phát từ chức năng và nhiệm vụ của 2 đơn vị: tổng hợp hoạt động hợp tác với doanh nghiệp của tất cả các đơn vị trong toàn trường và là đầu mối hợp tác với doanh nghiệp, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp của cán bộ và sinh viên trường.

Bên cạnh đó, cán bộ tham gia khảo sát là lãnh đạo các đơn vị đào tạo, nghiên cứu có đánh giá mức độ phổ biến và ý nghĩa của các hình thức "hợp tác (tiếp nhận các máy móc thiết bị tài trợ từ doanh nghiệp; tổ chức các khóa học thường xuyên hoặc ngắn hạn cho nhân viên, cán bộ doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, môi giới trung gian, giới thiệu công nghệ mới, hoặc bán lixăng công nghệ cho doanh nghiệp; tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp) cao hơn các nhóm cán bộ khác. Lãnh đạo bộ môn dường như tham gia nhiều hơn vào các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp như (thực hiện các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, môi giới trung gian, giới thiệu công nghệ mới, hoặc bán lixăng công nghệ cho doanh nghiệp và tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp) nhiều hơn các nhóm còn lại (không kể lãnh đạo khoa, trung tâm) khi họ chịu trách nhiệm về công tác chuyên môn tại đơn vị cơ sở.

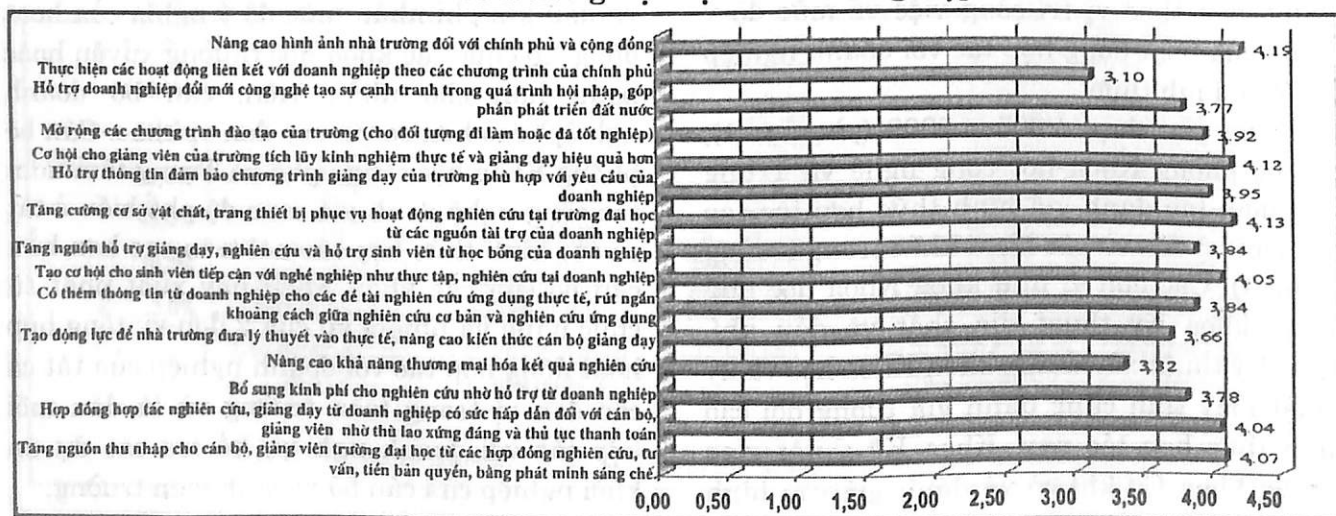
Ở giai đoạn 2010 - 2015, hình thức hợp tác "cán bộ, chuyên gia từ doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng hoặc nói chuyện về công nghệ mới tại trường đại học" được đánh giá phổ biến ở hầu hết các khoa và bởi cán bộ phòng Khoa học công nghệ và Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp, ngoại trừ các đơn vị: khoa Quản lý công nghiệp và khoa Kỹ thuật hóa học. Hình thức hợp tác "lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp đối với chương trình đào tạo của trường đại học" được các cán bộ tham gia khảo sát ở tất cả các đơn vị đều đánh giá cao, riêng cán bộ ở khoa Kỹ thuật hóa học, khoa Khoa học ứng dụng và khoa Kỹ thuật vật liệu cho rằng hình thức này ít phổ biến hơn. Cán bộ khoa Quản lý công nghệ ít "tổ chức các khóa học thường xuyên hoặc ngắn hạn cho nhân viên, cán bộ doanh nghiệp" hơn các khoa khác trong trường. Hoạt động "thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của trường đại học tại doanh nghiệp" lại được giảng viên khoa Xây dựng cho rằng phổ biến hơn giảng viên của các đơn vị khác.

Cũng ở giai đoạn này, dường như đội ngũ giảng viên không giữ chức vụ quản lý hoặc chưa có học vị tiến sĩ trở lên ghi nhận sự phổ biến và ý nghĩa các hoạt động hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp chỉ ở mức trên trung bình. Trong khi đó, chính nhóm giảng viên này lại đánh giá hình thức hợp tác "thực hiện các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, môi giới trung gian, giới thiệu công nghệ mới, hoặc bán lixăng công nghệ cho doanh nghiệp" diễn ra phổ biến hơn nhóm giảng viên có học hàm giáo sư/phó giáo sư và học vị tiến sĩ và ít phổ biến hơn so với sự đánh giá của cán bộ lãnh đạo khoa/trung tâm nghiên cứu và các bộ môn.

Cũng ở giai đoạn này, dường như đội ngũ giảng viên không giữ chức vụ quản lý hoặc chưa có học vị tiến sĩ trở lên ghi nhận sự phổ biến và ý nghĩa các hoạt động hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp chỉ ở mức trên trung bình. Trong khi đó, chính nhóm giảng viên này lại đánh giá hình thức hợp tác "thực hiện các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, môi giới trung gian, giới thiệu công nghệ mới, hoặc bán lixăng công nghệ cho doanh nghiệp" diễn ra phổ biến hơn nhóm giảng viên có học hàm giáo sư/phó giáo sư và học vị tiến sĩ và ít phổ biến hơn so với sự đánh giá của cán bộ lãnh đạo khoa/trung tâm nghiên cứu và các bộ môn.

#### 2.4. Yếu tố thúc đẩy liên kết trường đại học - doanh nghiệp

HÌNH 4: Đánh giá của cán bộ giảng viên trường ĐHBK HCM về lợi ích của hoạt động liên kết trường đại học - doanh nghiệp



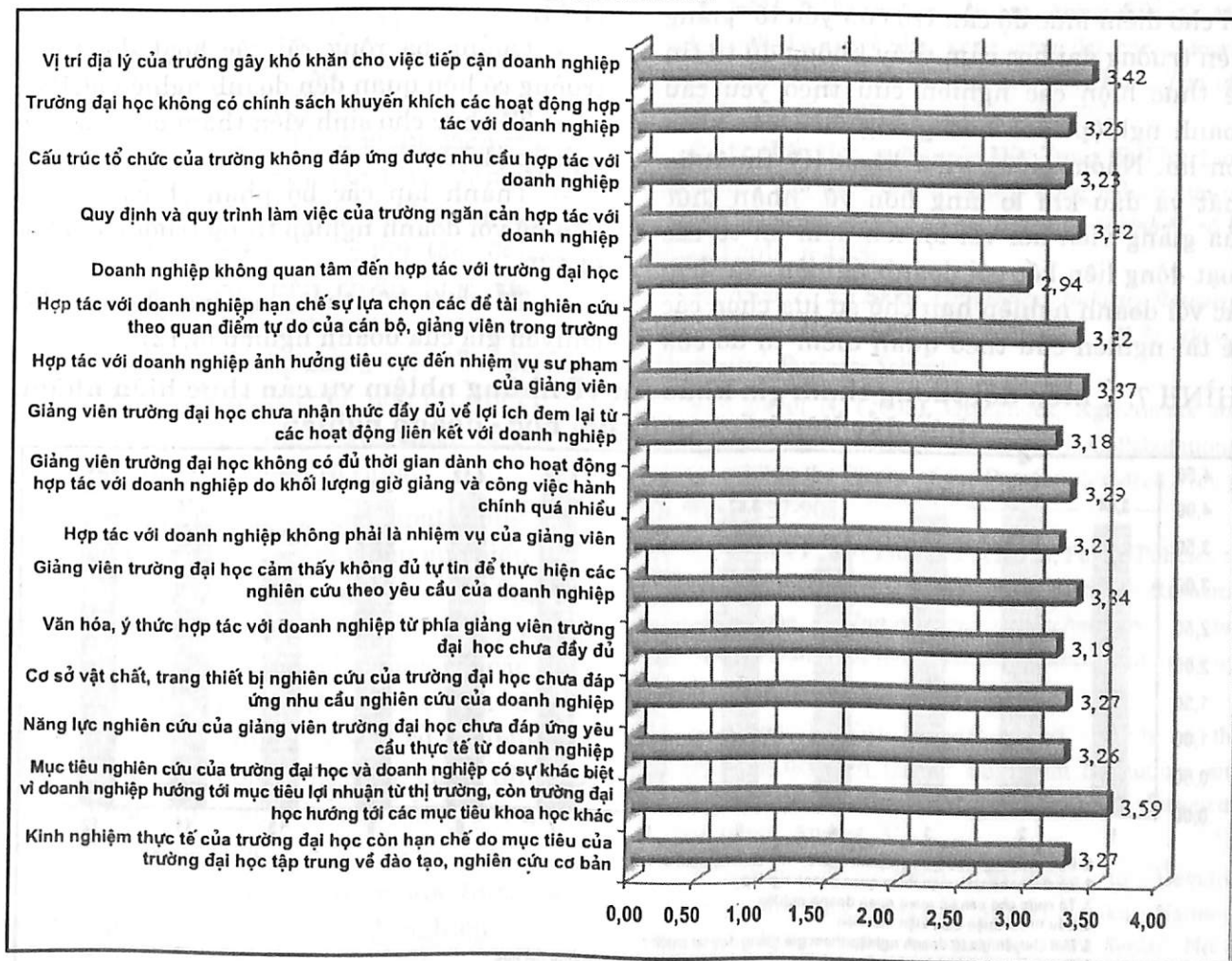
Khác với cán bộ ở Trường đại học Bách Khoa Hà Nội, giảng viên của ĐHBK HCM có xu hướng đánh giá mức độ quan trọng của các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp định hướng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao hơn các hoạt động gắn với hoạt động đào tạo, tuyển dụng và hỗ trợ sinh viên. Kiểm chứng thống kê One-way Anova cho thấy có sự khác biệt trong quan điểm của cán bộ ở từng đơn vị với một số yếu tố thúc đẩy hợp tác với trường đại học - doanh nghiệp (phụ lục 5). Theo đó, hầu hết các khoa đều cho rằng các lý do hợp tác với doanh nghiệp đều có ý nghĩa quan trọng,

ngoại trừ cán bộ giảng viên khoa Quản lý công nghiệp (luôn là nhóm có điểm trung bình thấp nhất đối với các yếu tố thúc đẩy liên kết trường đại học - doanh nghiệp).

Giảng viên khoa Khoa học ứng dụng có điểm trung bình dành cho bốn yếu tố thúc đẩy hợp tác trường đại học - doanh nghiệp cao hơn hẳn các nhóm giảng viên còn lại (4,57; 4,86; 4,57; 4,43). Giảng viên các khoa khác cũng có sự khác biệt trong ý kiến đánh giá ở một vài yếu tố thúc đẩy hợp tác trường đại học - doanh nghiệp.

**2.5. Các yếu tố cản trở hoạt động liên kết trường đại học - doanh nghiệp**

**HÌNH 5: Yếu tố cản trở liên kết trường đại học - doanh nghiệp từ quan điểm cán bộ ĐHBK HCM**



Kết quả phân tích so sánh giá trị trung bình với kiểm định ANOVA cho thấy, cán bộ đến từ các đơn vị khác nhau vẫn có những ý

kiến đánh giá khác nhau đối với đa số các yếu tố cản trở liên kết trường đại học - doanh nghiệp.

Nhóm giảng viên khoa Xây dựng cho rằng: các yếu tố liên quan đến sự khác biệt giữa trường đại học và doanh nghiệp về kinh nghiệm thực tế; năng lực nghiên cứu của giảng viên, tiềm lực cơ sở vật chất trang thiết bị nghiên cứu và nhu cầu của doanh nghiệp; cũng như sự quan tâm của doanh nghiệp đối với việc hợp tác với trường đại học có tác động cản trở liên kết trường đại học - doanh nghiệp cao hơn quan điểm của nhóm giảng viên đến từ các khoa khác. Trong khi đó, yếu tố "văn hóa, ý thức hợp tác với doanh nghiệp từ phía giảng viên trường đại học chưa đầy đủ" lại quan trọng hơn đối với cán bộ phòng Khoa học công nghệ và Trung tâm ươm tạo. Nhóm giảng viên khoa Khoa học ứng dụng lại cho điểm mức độ cản trở của yếu tố "giảng viên trường đại học cảm thấy không đủ tự tin để thực hiện các nghiên cứu theo yêu cầu doanh nghiệp" cao hơn giảng viên các khoa còn lại. Nhóm giảng viên khoa Kỹ thuật địa chất và dầu khí lo lắng hơn về "nhận thức của giảng viên đối với lợi ích đem lại từ các hoạt động liên kết với doanh nghiệp" và "hợp tác với doanh nghiệp hạn chế sự lựa chọn các đề tài nghiên cứu theo quan điểm tự do của

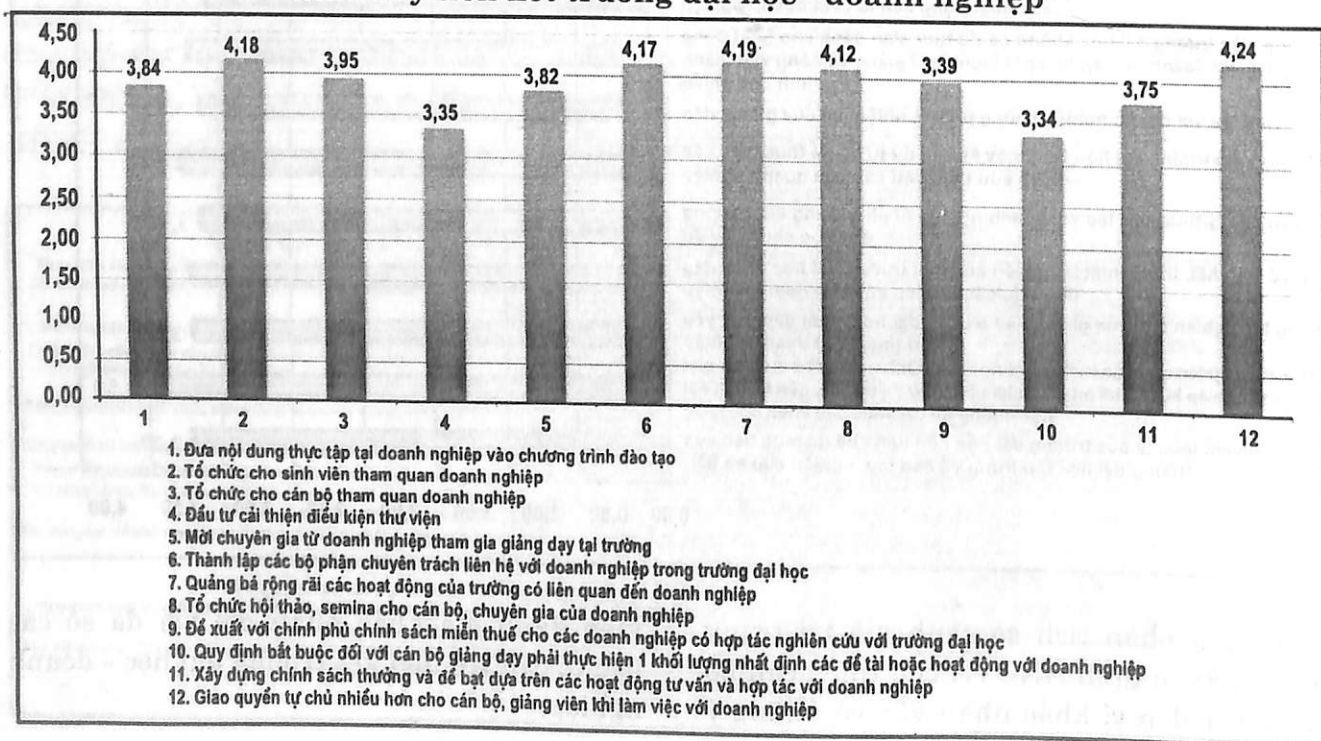
cán bộ, giảng viên trong trường". Với chức năng là đơn vị nghiên cứu, cán bộ ở các trung tâm nghiên cứu có xu hướng đánh giá tác động của các yếu tố cản trở đều ở mức độ thấp hơn các giảng viên của các khoa đào tạo.

**2.6. Nhiệm vụ cần làm nhằm thúc đẩy hoạt động liên kết trường đại học - doanh nghiệp**

Kết quả khảo sát cho thấy, cán bộ, giảng viên ĐHBK HCM cho rằng cần thực hiện nhiều nhiệm vụ để thúc đẩy liên kết trường đại học - doanh nghiệp (hình 7), trong đó những nhiệm vụ có mức độ quan trọng cao hơn bao gồm:

- Giao quyền tự chủ nhiều hơn cho cán bộ, giảng viên khi làm việc với doanh nghiệp (4,24)
- Quảng bá rộng rãi các hoạt động của trường có liên quan đến doanh nghiệp (4,19)
- Tổ chức cho sinh viên tham quan doanh nghiệp (4,18)
- Thành lập các bộ phận chuyên trách liên hệ với doanh nghiệp trong trường đại học (4,17)
- Tổ chức hội thảo, semina cho cán bộ, chuyên gia của doanh nghiệp (4,12)

**HÌNH 7: Ý kiến đối tượng tham gia khảo sát về những nhiệm vụ cần thực hiện nhằm thúc đẩy liên kết trường đại học - doanh nghiệp**



### 3. Kết luận và đề xuất

Từ kết quả khảo sát ý kiến 154 cán bộ ĐHBK HCM, các hoạt động liên kết trường đại học - doanh nghiệp diễn ra với mức độ phổ biến và có ý nghĩa hơn giai đoạn 2005 - 2009. Tuy nhiên, ở cả 2 giai đoạn hoạt động hợp tác phổ biến hơn đó là cho sinh viên thực tập tại doanh nghiệp, doanh nghiệp hỗ trợ học bổng cho sinh viên, lấy ý kiến của doanh nghiệp cho các chương trình đào tạo. Các hoạt động liên quan đến hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới chỉ được thực hiện ở mức độ thấp.

Từ kết quả khảo sát này, có thể đề xuất những kiến nghị với ĐHBK HCM nói riêng và các trường đại học Việt Nam nói chung nhằm thúc đẩy hợp tác trường đại học - doanh nghiệp, đặc biệt trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, như sau:

- Lãnh đạo, quản lý và giảng viên của các trường đại học cần có nhận thức đúng về sự cần thiết và lợi ích của hợp tác trường đại học - doanh nghiệp, coi quan hệ hợp tác với doanh nghiệp là một ưu tiên chiến lược và phải truyền đạt được thông điệp này thường xuyên đến tất cả các cán bộ, giảng viên. Từ đó, xây dựng chính sách phát triển hợp tác với doanh nghiệp như là một chính sách chiến lược có cơ chế triển khai thực hiện rõ ràng.

- Thường xuyên có các hoạt động trao đổi, thảo luận nhằm giảm thiểu sự thiếu hiểu biết về mục tiêu, kinh nghiệm và năng lực hoạt động của trường và doanh nghiệp thông qua các hoạt động quảng bá rộng rãi các hoạt động của trường có liên quan đến doanh nghiệp hoặc xây dựng các cơ sở nghiên cứu của trường gắn doanh nghiệp, cùng như mở các phòng thí nghiệm của doanh nghiệp trong trường đại học.

- Khuyến khích sự tham gia (một cách thực chất) của đại diện doanh nghiệp vào các hoạt động của trường.

- Xây dựng các quy định, cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên trong các hoạt động của doanh nghiệp.

- Xây dựng các chính sách đánh giá năng lực, khen thưởng, đề bạt và công nhận cán bộ, giảng viên dựa trên mức độ tham gia hợp tác với doanh nghiệp.

- Đưa nội dung thực tập vào chương trình đào tạo nhằm bổ sung kiến thức thực tế cho sinh viên, từ đó sinh viên có thể tiếp cận sớm với thực tiễn doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện để các giảng viên, nghiên cứu viên được biệt phái để thành lập các doanh nghiệp liên quan tới kết quả nghiên cứu của họ./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hiếu Học và Nguyễn Đức Trọng (2017a), Mô hình Triple Helix về liên kết trường đại học - doanh nghiệp - Chính phủ và đề xuất cho Việt Nam, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 80, tháng 1+2, tr 48-57.
2. Lê Hiếu Học và Nguyễn Đức Trọng (2017c), Liên kết trường đại học - doanh nghiệp trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, số 5, tháng 5 2017, tr 42-56.
3. Aslan A. S. (2006), *University - Industry Research and Technological links in Malaysia, Ph.D thesis*, Manchester Business School.
4. Carayol N. (2003), Objectives, Agreements and Matching in Science-Industry Collaborations: Reassembling the Pieces of the Puzzle, *Research Policy*, 32(6) pp. 887-908.
5. Correa P. and Zuñiga P. (2013), Public Policies to Foster Knowledge Transfer from Public Research Organizations *Innovation, Technology, and Entrepreneurship Global Practice, Public Policy Brief*, World Bank, Washington DC.
6. Davey T. (2011), Final Report - Study on the cooperation between Higher Education Institutions and public and private organizations in Europe, *European Commission*, August, 31.
7. Esham M. (2008), Strategies to Develop University-Industry Linkages in Sri Lanka, National Education Commission Sri Lanka, *Study Series*, No 4 (2007/2008).
8. Etkowitz H. (2012), Triple Helix clusters: boundary permeability at university-industry-government interfaces as a regional innovation strategy,

*Environment and Planning C: Government and Policy*, Vol 30, No 5, pp. 766-779.

9. Geisler E. and Rubenstein A. H. (1989), *University-Industry Relations: A Review of Major Issues*, In: Link, A.N. and Tasse, G., eds. *Cooperative Research and Development: The Industry-University-Government Relationship*. Norwell, Mass., Kluwer, pp. 43-62.

10. Howells J. Nedeva M. and Georghiou L. (1998), *Industry-Academic Links in the UK*. HEFCE, Bristol, Final report to Higher Education Funding Council for England, the Higher Education Funding Council for Wales and the Scottish Higher Education Funding Council.

11. Intarakumnerd P. and Schiller D. (2009), *University-Industry Linkages in Thailand: Successes, Failures, and Lessons Learned for Other Developing Countries*, *Seoul Journal of Economics*, Vol. 22, No. 4, pp. 551-589.

12. José Guimón, (2013), *Promoting University-Industry Collaboration in Developing Countries, National policies to attract R&D-intensive FDI in developing countries*, World Bank, pp. 1-11.

13. OECD (2002), *Benchmarking Industry-Science Relationships*, Paris.

14. Othman N. (2011), *An Assessment of a University-Industry Partnership in a Malaysian University*, *International Journal of Business and Social Science*, Vol. 2 No. 8; May 2011, pp. 94-103.

15. Nguyen Duc Trong and Le Hieu Hoc, (2014), *A Framework for Evaluating the Collaboration Between University and Industry in Technology Transfer*, *Journal of Science and Technology*, Vol.102.

16. Peters Lois S. and Herbert I. Fuschfeld, (1982), *University-Industry Research Relationships*, National Science Foundation.

17. Tucker R. B. (2002), *Driving Growth through Innovation*, San Francisco.